QUYỂN 50

Hỏi: Thức thứ tám là chân hay là giả ?

Đáp: Không thể chấp cố định là chân hay giả. *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* nói: "Thức a-đà-na vi tế, tập khí thành dòng thác; chân, phi chân, vì e chúng sinh lầm lẫn nên ta thường không nói đến".

Giải thích:

Tiếng Phạn A-đà-na, Trung Hoa dịch là chấp trì thức. Thức này thể tính thanh tịnh, bị vô minh huân tập như nước với sữa khó phân, chỉ có Phật mới biết. Vì bất giác vọng nhiễm nên tập khí biến khởi bảy thức trước cuồn cuộn sóng mòi tạo thành biển sinh tử. Nếu bậc đại giác đốn liễu thì thức ấy trở thành tịnh thức vô lậu, thức ấy luôn luôn chấp trì tận thuở vị lai làm đại Phật sự trở thành biển trí tuệ.

Chân, phi chân nhưng e chúng sinh lầm lẫn, là ý Phật cho rằng nếu ta chỉ nói chân thì chúng sinh chẳng chịu tiến tu rơi vào tăng thượng mạn, vì chẳng nhiễm mà nhiễm, chẳng phải không có khách trần cấu uế; còn ngoại đạo lại chấp thức này là ngã. Nếu nói là chân ngã Phật tính thì thêm tà chấp tổn hại chân tu. Nếu ta chỉ nói phi chân thì chúng sinh lại bác bỏ vô sinh, chấp đoạn kiến, đối với tự thân không có hi vọng thành Phật, vì thế đối với phàm phu, Nhị thừa ta nhất định không diễn nói, vì e chúng sinh mê lầm điên đảo chẳng rõ mật ý Như Lai, vì căn bản thức vi tế khó biết.

Hỏi: Thức thứ tám đều kiến lập trong chân đế và tục đế chăng ?

Đáp: Gốc nhiễm tịnh đều có nơi chân tục. Người chẳng đạt chân dị thục là duy thức phần nhiều chấp tục thì có, chân thì không, lại sinh dị kiến, không rõ mật ý chư Phật, chấp lý không dẹp tướng là cứu cánh. Đây là phá tình chấp biến kế lại khư khư giữ lỗi lầm, lìa bỏ ngôn giáo, bài bác hai tính y tha khởi và viên thành thật, đều cho là tướng hoa đốm. Nhưng nếu không có y tha và viên thành, bản thức và tất cả pháp đều vô thể, chẳng phải thật có, trở thành đại tà kiến.

Luận nói: "Ngoại đạo hủy báng nhân quả nhiễm tịnh cũng không nói là hoàn toàn không mà chỉ chấp là chẳng phải thật. Nếu tất cả chẳng phải thật có, Bồ-tát chẳng nên vì không bỏ sinh tử tinh cần tu tập tư lương bồ-đề. Người có trí ai lại trừ kẻ địch huyễn hóa mà kết bạn với cô gái đá, nên phải tin có tâm giữ gìn chủng tử kiến lập nhân quả nhiễm tịnh, tâm ấy chính là thức thứ tám".

Khế kinh nói: "Có tâm dị thục, nghiệp cảm thiện ác". Nếu không có thức này thì tâm dị thục lẽ ra chẳng có, nghĩa là vì nhãn thức v.v... có gián đoạn, vì chẳng phải tất cả thời là nghiệp quả, như ánh chớp chẳng phải là tâm dị thục. Dị thục không gián đoạn rồi lại tiếp tục, vì nó rời mạng căn không có việc ấy.

Sáu thức nhãn thức v.v... do nghiệp cảm như âm thanh chẳng phải luôn tương tục, là dị thục sinh chẳng phải chân dị thục, nhất định cho rằng có tâm chân dị thục dẫn dắt nghiệp khắp nơi không gián đoạn, biến ra thân căn, khí thế gian làm chỗ nương cho hữu tình. Thân căn, khí thế gian lìa tâm đúng lý không có, pháp bất tương ưng không có thật thể, các chuyển thức chẳng phải luôn có. Nếu không có thức này, ai biến ra căn thân, khí thế gian nương pháp nào lập nên hữu tình ?

Giải thích:

Ngoại đạo cũng chẳng nói nhiễm tịnh v.v... đều không, vì có sự hiện diện. Chỉ chấp chẳng phải thật có nhân nhiễm, cũng chẳng cảm quả ác; nhân thiện không thể cảm quả thiện vì chẳng phải thật, như hoa đốm hư không. Nhân quả chẳng phải không nên tin thức này lập cả ba tính.

Nếu trong hai đế chân tục, phân biệt hữu vô; trong chân đế cũng chẳng phải không pháp, chỉ có thể nói là nhân, là quả, vì đường ngôn ngữ bặt; trong tục đế, vì y tha và viên thành có, biến kế sở chấp không. Tâm chân dị thục dẫn dắt nghiệp khắp nơi không gián đoạn, là tâm chân dị thục tất cả thời tương tục dẫn dắt nghiệp chẳng phải mãn nghiệp khác; vì có gián đoạn là mãn nghiệp. Chuyển thức khác chẳng thể dẫn nghiệp, chỉ đến làm đầy nghiệp

quả thiện ác, thức dẫn quả hiện diện khắp ba cõi, sáu thức chẳng khắp vô sắc giới, vô tâm định v.v... vì năm thức và ý thức không. Không dứt là nói luôn tương tục. Do đó kinh nói: "Thâm tín đại thừa, chẳng bác nhân quả".

Trong chân đế, tất cả pháp không thể được, đường ngôn ngữ dứt, nẻo tâm trí bặt; hoặc nói tất cả pháp không, đây là đệ nhất nghĩa không, là cái không bất khả đắc, chẳng phải là đoạn không của ngoại đạo, là đãn không của Tiểu thừa v.v... không thể khởi tâm "lông rùa, sừng thỏ", chấp cái thấy "chân rắn ướp muối".

Hỏi: Sinh ra, chết đi đều nương nơi bản thức, lúc sinh, lúc chết lại trụ tâm nào ?

Đáp: Nói về vấn đề sinh diệt hẳn phải trụ tâm tán động, kinh nói: "Có niệm là lưới ma, bất động là pháp ấn. Lưới ma tạo nẻo sinh tử, pháp ấn thành cửa niết-bàn. Vì thế biết nương vào bản thức có ra hai việc tán loạn và tịch tĩnh".

Luận ghi: "Khế kinh nói các loài hữu tình thụ sinh hay mạng chung hẳn trụ nơi tâm tán loạn, chẳng phải không có tâm định. Nếu không có thức này thì khi sinh tử tâm không nên có, nghĩa là lúc sinh tử thân tâm mê muội, như lúc ngủ không chiêm bao, hoặc lúc ngất xỉu thức tâm sáng suốt không hiện khởi và trong lúc này hành tướng sở duyên của sáu chuyển thức chẳng thể biết. Như lúc vô tâm chắc hẳn không hiện hành của sáu chuyển thức, hành tướng sở duyên hẳn có thể biết. Còn những lúc khác vì thức chân dị thục rất vi tế nên hành tướng sở duyên chẳng thể biết. Dẫn nghiệp quả một giai đoạn tương tục, luôn không chuyển biến. Tâm tán loạn còn gọi là tâm sinh tử, chẳng trái chính lý".

Lại nói: "Nơi địa vị này quyết định không có năm thức, ý thức chấp lấy cảnh; hoặc do năm thức, hoặc do người dạy, hoặc quyết định làm nhân; vì lúc sinh các nhân đã bất khả đắc thì lúc thọ sinh ý thức cũng không, cho đến lúc sắp chết do nghiệp thiện ác, thân thể sẽ lạnh dần từ trên xuống dưới hoặc từ dưới lên trên. Nếu không thức này việc trên chẳng thành; vì chuyển thức không thể gìn giữ

thân, vì năm thức nhãn v.v... đều nương gá khác nhau, vì chẳng hiện hành, vì thức thứ sáu chẳng trụ thân, vì cảnh bất định, vì gá khắp trong thân hằng tương tục nên không thể nhờ nó mà lạnh từ từ. Chỉ có dị thục tâm do nghiệp lực trước kia luôn bao trùm tương tục gìn giữ thân. Khi xả bỏ chỗ chấp thọ, cảm giác lạnh liền phát sinh. Vì ba thứ mạng sống, hơi ấm, thần thức chẳng rời nhau cho nên chỗ cảm giác lạnh khởi là chẳng phải tình thức, tuy biến đổi vì duyên theo nhưng không chấp thọ, do đó biết nhất định có thức thứ tám.

Khế kinh nói: "Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức". Như vậy mỗi pháp linh động nương gá lẫn nhau như bó lau đồng thời xoay chuyển. Nếu không có thức này, tự thể của thức kia lẽ ra không có. Trong kinh giải thích: Danh là bốn uẩn chẳng phải sắc, sắc là yết-la-lam[3] v.v... Danh sắc cùng thức nương nhau trụ như hai bó lau tựa vào nhau, luôn đồng thời chuyển chẳng lìa nhau.

Các chuyển thức nhãn v.v... thuộc về danh, nếu thức này không có thì nói cái gì là thức, cũng không thể nói thức uẩn trong danh là thân năm thức. Thức là cái thứ sáu, giai đoạn yết-la-lam không có năm thức. Vì các chuyển thức có gián đoạn, chuyển dời nên khi vô lực thì luôn luôn nắm giữ danh sắc. Vì ý nói thường cùng danh sắc làm duyên nên thức ấy nói hiển rõ thức thứ tám.

Hỏi: Tất cả hữu tình đều nương nơi thức ăn để tồn tại, chính là thức thứ tám. Đại khái có bốn thứ thức ăn:

1- Đoàn thực: Lấy sự biến hoại làm tướng, là hương, vị xúc ở cõi Dục, lúc biến hoại có thể làm thức ăn. Do cõi Sắc chẳng thuộc về đoàn thực, vì lúc biến hoại sắc vô dụng.

2- Xúc thực: Lấy sự tiếp xúc cảnh làm tướng là xúc hữu lậu, lúc vừa bám lấy cảnh liền cảm thấy vui thích v.v... đó là thức ăn. Tuy xúc này tương ưng với các thức, thuộc sáu thức nhưng thiên về nghĩa thức ăn hơn; xúc thô hiển cảnh cảm thấy vui thích và dễ chịu càng phấn chấn hơn.

3- Ý tư thực: Lấy sự hy vọng làm tướng, là tư hữu lậu cùng dục chuyển, trông mong cảnh ưa thích làm thức ăn. Tuy tư này tương

ưng với các thức, thuộc ý thức, thiên về nghĩa thức ăn hơn; đối với cảnh ý thức hy vọng hơn.

4- Thức thực: Lấy sự nắm giữ làm tướng, là thức hữu lậu do thế lực của đoàn thực, xúc thực, tư thực tăng trưởng làm thức ăn. Tuy thức này bao gồm tự thể các thức nhưng thức thứ tám thiên về nghĩa thức ăn hơn, vì là một loại tương tục nắm giữ hơn cả.

Bốn món này hay giữ gìn thân mạng loài hữu tình không để hoại diệt nên gọi là thức ăn. Đoàn thực chỉ có cõi Dục cần đến; xúc thực, ý tư thức tuy khắp ba cõi nhưng nương theo thức chuyển và tùy thức mà có không. Chuyển thức nhãn v.v... có gián đoạn, có chuyển dời, chẳng phải luôn giữ gìn thân mạng nghĩa là trong lúc vô tâm định, ngủ say, ngất xỉu, vô tưởng thiên có gián đoạn; giả sử ở giai đoạn hữu tâm tùy theo chỗ nương gá, duyên tính giới địa có chuyển dời cho nên đối với việc giữ gìn thân mạng chẳng phải khắp, chẳng phải hằng. Do đây biết chắc các chuyển thức khác có dị thục thức, một loại luôn khắp, nắm giữ thân mạng không để đoạn diệt. Thế Tôn y cứ theo đây nói tất cả hữu tình đều nương nhờ thức ăn mà tồn tại.

Giải thích:

Xúc này tương ưng với các thức, thuộc sáu thức, thiên về nghĩa thức ăn hơn, nghĩa là thể của xúc thực bao gồm tám thức, tuy tương ưng với các thức, thuộc sáu thức nhưng thiên về nghĩa thức ăn hơn. Thiên thắng nghĩa là khi cảnh được tiếp xúc hiển bày tướng thô đưa đến cảm giác vui thích, thoải mái nơi thân. Vì thức thứ bảy, thức thứ tám đều cùng tiếp xúc cảnh vi tế, hoàn toàn không thể sinh cảm giác vui thích; tuy sinh xả thọ nhưng thuộc trung tính. Do nghĩa ấy nên biết xúc sinh ưu khổ, chẳng làm thoải mái, vì chẳng phải là thể của thức ăn nên chẳng bồi bổ thêm.

Kinh Tăng Nhất ghi: "Thế Tôn bảo A-na-luật: Tất cả các pháp do thức ăn mà hiện hữu; mắt lấy giấc ngủ làm thức ăn, tai lấy âm thanh làm thức ăn, mũi lấy mùi hương làm thức ăn, lưỡi lấy vị làm

thức ăn, thân lấy trơn mịn làm thức ăn, ý lấy pháp làm thức ăn, niết-bàn lấy sự không buông lung làm thức ăn.

Khi ấy, Phật bảo các tỳ-kheo: Như vậy thức ăn có chín thứ: bốn thức ăn thế gian đó là đoàn thực, cánh lạc thực, niệm thực, thức thực; năm thức ăn xuất thế gian đó là thiền thực, nguyện thực, niệm thực, bát giải thoát thực, hỷ thực. Cần phải chuyên niệm trừ bỏ bốn thức ăn thế gian, mong được thức ăn xuất thế". Do đó *kinh Duy-ma* nói: "Ca-diếp trụ pháp bình đẳng nên thị hiện đi khất thực theo thứ lớp, vì chẳng ăn nên thị hiện khất thực, vì phá tướng hòa hợp nên thị hiện dùng thức ăn từng năm, vì chẳng thọ nên thị hiện nhận thức ăn. Đây là phá pháp năm ấm trở thành thức ăn niết-bàn".

Hỏi: Người trụ diệt định diệt thức nào trong tám thức ?

Đáp: Chỉ diệt sáu thức, vì thức thứ tám giữ gìn thân mạng. Luận ghi: "Khế kinh nói người trụ diệt định thì ngôn ngữ, tâm hành đều dứt sạch, nhưng thọ mạng chẳng diệt, cũng không lìa hơi ấm, căn không biến hoại, thức chẳng rời thân".

Nếu người không có thức này trụ diệt tận, vì chẳng lìa thân lý đáng thức chẳng có, nghĩa là hành tướng của nhãn thức v.v... thô động, nơi cảnh sở duyên ắt khởi nhọc nhằn suy nghĩ, nhàm chán họa hoạn ấy nên tạm cầu dừng nghỉ, lần lượt phục trừ cho đến hết sạch. Giai đoạn này gọi là trụ diệt tận định cho nên trong định này các thức đều diệt. Nếu không chấp nhận có một loại vi tế luôn nắm giữ thọ mạng để biết rằng tồn tại thì nương vào cái gì để nói thức chẳng lìa thân ? Nếu cho rằng sau đó thức ấy khởi trở lại như bệnh sốt rét cách nhật gọi là chẳng lìa thân, vậy thì chẳng nên nói tâm hành diệt, vì thức với tưởng v.v... khởi diệt đồng thời nên thọ mạng, hơi ấm, các căn lẽ ra cũng như thức đấy là sai lầm lớn, vì vậy phải chấp nhận thức như thọ mạng, hơi ấm thực sự chẳng lìa thân.

Ở giai đoạn này nếu hoàn toàn không có thức lẽ ra như gạch ngói, chẳng phải loài hữu tình, làm sao được nói là người trụ diệt định ?

Lại nếu không có dị thục thức nắm giữ các căn, thọ mạng, hơi ấm thì lẽ ra phải hoại diệt, như tử thi không có thọ mạng, hơi ấm. Đã thế sau đó thức ắt chẳng sinh trở lại, nói chẳng lìa thân thì nó thuộc cái gì ? Các dị thục thức xả thân này rồi, tuy gá vào thân khác nhưng không sinh trở lại. Nếu giai đoạn này giữ chủng tử, thức sau không có chủng tử làm sao được sinh ? Các pháp quá khứ, vị lai bất tương ưng đã trở thành không có thật thể. Các pháp sắc v.v... lìa thức đều không, vì thọ huân trì chủng cũng đã ngăn che rồi, cho đến cấp độ vô tưởng cũng như đây nên biết. Lại ở giai đoạn diệt định gọi là vô tâm chưa hẳn là hoàn toàn không. *Luận Thành Nghiệp* ghi: "Tâm có hai thứ:

1- Tập khởi tâm, vì là nơi vô lượng chủng tử tập khởi.

2- Chủng chủng tâm, vì hành tướng sở duyên chuyển đổi sai biệt".

Giai đoạn diệt định khiếm khuyết tâm thứ hai gọi là vô tâm, như con ngựa què thiếu một chân nên cũng gọi là không chân.

Hỏi: Tiểu thừa nhập diệt tận định, vì sao không thể hiện oai nghi ?

Đáp: Tiểu thừa là sự diệt, đại thừa là lý diệt. *Thanh Lương Sớ* ghi: "Tất cả pháp diệt tận tam-muội trí thông là pháp ngũ tụ, vì đều là đương thể tịch diệt, đây là lý diệt; không như diệt định của tông khác chỉ nói về sự diệt, chỉ diệt tâm, tâm sở pháp, thức thứ sáu, thứ bảy, chẳng diệt thức thứ tám, vì chỉ có sự diệt nên không thể ngay định mà có tác dụng, vì chứng lý diệt nên định và tán vô ngại. Do tức sự mà lý nên chẳng ngại diệt, tức lý mà sự nên chẳng ngại dụng. Thế nên kinh nói: "Tuy niệm niệm nhập định mà chẳng bỏ đạo Bồ-tát, cũng chẳng phải tâm định mà thân khởi dụng, cũng chẳng phải chỉ nói định và tán đều dứt, vì chỉ là lý sự vô ngại". Trong *Thập Địa* nói: "Tuy hành thật tế mà không tác chứng, có thể niệm niệm nhập, cũng có thể niệm niệm khởi". *Kinh Tịnh Danh* nói: "Chẳng khởi diệt định hiện các oai nghi", là nghĩa này vậy.

Cổ đức nói: Nếu đại thừa diệt định do đủ năm uẩn, có thức thứ tám và phần thanh tịnh của mạt-na thứ bảy là bình đẳng tính trí tồn tại hay dẫn khởi các oai nghi. Tiểu thừa chỉ có sắc uẩn và hành uẩn, sáu thức trước đã diệt, cho nên việc hiện oai nghi của Tiểu thừa phải có ý thức mới có thể dẫn khởi; không có ý thức thì không có công năng vận dụng, có sự khác biệt với Đại thừa.

Hỏi: Đại thừa, Tiểu thừa đều từ ý thức hay khởi oai nghi, vì ý thức là chỗ nhàm chán của diệt định, tức là ý thức đã không, cho dù có bình đẳng tính trí thứ bảy cũng chẳng phải là thức khởi oai nghi. Thức thứ tám tuy cho giữ gìn duyên nhưng cũng không thể khởi oai nghi, làm sao nói hay dẫn khởi oai nghi ?

Đáp: Người xưa giải thích: Đang lúc nhập diệt định, tuy không có ý thức nhưng trước khi chưa diệt, nguyện trong tâm gia hạnh: "Sau khi tôi nhập diệt, nếu có chúng sinh nghe tôi nói pháp, thấy oai nghi tôi, tôi sẽ giáo hóa". Do nguyện này, sau khi nhập định kích phát bản thức hóa tướng chủng tử sinh khởi hiện hành, dùng bình đẳng tính trí hiện khởi oai nghi, nhưng bình đẳng tính trí chẳng tương ưng với oai nghi được biến hiện bởi nguyện thứ sáu. Nếu muốn khởi sự giáo hóa bình đẳng cần phải có bình đẳng tính trí. Trên đây y cứ hành tướng phân biệt, nêu luận theo lý, oai nghi là định, định là oai nghi, vì sắc tâm từ lâu đã như.

Hỏi: Trong số trăm pháp, danh nghĩa tuy sai khác, nhưng xét tận cùng nguồn gốc chỉ là một thức, trong kinh vì sao nói trong mạng căn là ba pháp: thọ mạng, hơi ấm, thần thức ?

Đáp: Tuy là một thức, nghĩa riêng nói ba. Luận nói: Nghĩa riêng nói ba, như tứ chính cần v.v...

Giải thích: Sắc pháp thân căn có được từ thức a-lại-da gọi là hơi ấm; chủng tử của thức này gọi là thọ mạng; vì hay giữ gìn thức hiện hành thức gọi là thức, cho nên nói có ba pháp.

Nghĩa riêng nói chẳng phải cho rằng riêng có thể tính. Lúc thân lìa bỏ hơi ấm, có hai thứ còn lại không cần phải bỏ; như sinh vào cõi vô sắc, lúc bỏ hai thứ kia, hơi ấm cũng xả bỏ. Nay ba pháp

này y cứ nghĩa riêng nói chỉ là một thể, như tứ chính cần đã sinh, chưa sinh hai pháp thiện ác, nghĩa riêng nói là bốn thể nhưng là một thể; như tứ chính cần đã sinh chưa sinh hai pháp thiện ác, nghĩa riêng nói là bốn thể nhưng là một danh số tinh tiến.

Hỏi: Chủng tử của thức là mạng căn, lấy nghĩa gì làm căn ?

Đáp: Luận nói: "Nương vào đây trực tiếp sinh ra chủng tử thức, do nghiệp dẫn có công năng sai biệt, lúc quyết định trụ tạm lập mạng căn".

Giải thích: Đây là lược bỏ trực tiếp sinh ra chủng tử thức khác, Thức là lược bỏ chủng tử pháp tương ưng mà chỉ nắm lấy thức. Chủng là lược bỏ hiện hành, chẳng lấy hiện hành thức thứ tám làm mạng căn. Chỗ lược bỏ này không phải đều là mạng căn khiến cho trực tiếp sinh gọi là chủng tử. Do nghiệp đời trước dẫn dắt gìn giữ thân có công năng sai biệt khiến cho sắc tâm lúc quyết định trụ, nương vào công năng này gọi là mạng căn, chẳng phải chấp lấy nghĩa thức sinh hiện hành, vì chủng tử này là nghiệp lực nên có công năng sai biệt giữ gìn một báo thân khiến được quyết định. Nếu không có chủng tử thì cũng không có công năng, thân sẽ hoại diệt. Vì hiện hành của thức a-lại-da do chủng tử này nên pháp năng duyên và gìn giữ các pháp như nhãn căn v.v... cũng gọi là năng trì. Chủng tử này hay giữ gìn thức hiện hành; nếu không thế thì thức hiện hành lẽ ra chẳng có và không thể giữ gìn các pháp khác như căn v.v... Do công năng này nên thức giữ gìn thân, năng lực chủng tử bên trong sinh ra hiện hành và giữ gìn pháp chẳng gọi là mạng căn, vì chẳng phải căn bản mà do chủng tử sinh, vì chủng tử này chẳng do hiện hành có, bởi chủng tử là căn bản của các pháp.

Lại thức hiện hành là sở trì, từ sở trì nói năng trì chủng thức gọi là mạng căn. Pháp mạng căn giữ gìn thân thể chẳng phải mạng căn khiến cho lúc quyết định trụ sáu chỗ nên chủng tử là mạng căn. Các sắc tâm hiện hành khác chẳng phải mạng căn, vì chẳng luôn tương tục, vì chẳng phải do nghiệp dẫn. Lúc nghiệp dẫn dắt, chỉ dẫn

dắt chủng tử, chủng tử mới có thể tạo ra hiện hành, chẳng thể cho hiện hành là mạng căn, chỉ chủng tử là căn.

Mạng căn nương vào tâm giả lập, mạng là năng y, tâm là sở y.

Pháp sư Đạo Sinh nói: "Lửa do đốt củi rồi quay thành vòng, tạo ra ánh sáng; tình thức cũng thế, hẳn phải nhờ tâm mới có tác dụng. Mạng nương tâm cũng như tình nương tâm vậy".

Hỏi: Các tâm pháp có sai biệt hay không có sai biệt ?

Đáp: Trên pháp tính không sai, nhưng về tướng có khác, tuy có sai biệt mà chẳng trái nhau. *Luận Du-già* nói: "Tuy tính các tâm pháp không sai biệt, nhưng tướng có khác nên ở trong một thân đồng thời chuyển đổi". Như vậy thức a-lại-da và các chuyển thức ở trong một thân đồng thời chuyển đổi, phải biết cũng chẳng trái nhau như dòng nước có nhiều sóng. Lại như nơi mặt gương trong sáng có nhiều ảnh tượng đồng thời chuyển động mà chẳng trái nhau. Cũng thế, nơi một thức a-lại-da có nhiều chuyển thức đồng thời cùng chuyển nhưng không trái nhau.

Lại như một nhãn thức trong một lúc, một sự cảnh chỉ nắm lấy một loại sắc tướng, hoặc trong một lúc chợt nắm lấy chẳng phải một sắc tướng; và nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức cho đến ý thức phân biệt trong một lúc hoặc nắm lấy một cảnh tướng, hoặc nắm lấy chẳng phải một cảnh tướng, nên biết đạo lý ấy cũng không trái nhau. Và thức mạt-na cũng luôn luôn cùng thức a-lại-da chuyển đổi, thường cùng với bốn thứ phiền não như ngã mạn v.v... tự nhiên cùng sinh, đồng thời tương ưng".

Hỏi: *Kinh Tịnh Danh* nói: "Từ gốc vô trụ kiến lập tất cả pháp". Gốc vô trụ là thức a-lại-da, tại sao nói thức này là gốc của tất cả pháp ?

Đáp: Thức này kiến lập hữu tình, vô tình, phát sinh pháp nhiễm, pháp tịnh. Nếu có tri có giác thì có chúng sinh; nếu không tưởng không lự thì duyên sinh cõi nước. Do pháp nhiễm mà lục đạo luân hồi, theo pháp tịnh mà có cấp bậc tứ Thánh, đây gọi là cội gốc của phàm Thánh, nguyên do của thân cảnh. Rõ cội nguồn của thức

này thì pháp nào chẳng ngộ, chứng tâm tính kia thì cảnh nào chẳng chân, đây gọi là môn tuyệt học, chỗ ngưng thần.

Luận Du-già nói : "Thức a-lại-da là căn bản của tất cả tạp nhiễm, vì sao ? Do thức này là cội gốc sinh khởi hữu tình thế gian, vì hay sinh các căn, chỗ sở y của căn và các chuyển thức; cũng là cội gốc sinh khởi khí thế gian, vì hay sinh khởi khí thế gian; cũng là cội gốc làm cho hữu tình sinh khởi lẫn nhau, vì tất cả hữu tình hướng vào nhau làm tăng thượng duyên. Vì sao ? Lúc không có hữu tình cùng hữu tình khác gặp nhau thì chẳng sinh khổ lạc v.v... không cùng thọ dụng; do lý lẽ này phải biết loài hữu tình làm tăng thượng duyên cho nhau.

Lại chính thức a-lại-da vì hay giữ gìn chủng tử của tất cả pháp nên trong đời hiện tại là thể của khổ đế, cũng là sinh nhân của khổ đế vị lai; lại là sinh nhân của tập đế hiện tại. Như thế vì hay sinh hữu tình thế gian, khí thế gian, cho đến thức a-lại-da nắm giữ chủng tử thiện pháp thuận giải thoát phần và thuận quyết trạch phần và thập bát giới nhãn thức v.v...

Kinh nói: "Dụ như chùm ác-xoa, vì trong thức a-lại-da có nhiều giới".

Hỏi: Nếu thành tựu thức a-lại-da cũng là thành tựu chuyển thức chăng ?

Đáp: Nên phân biệt bốn trường hợp. *Luận Du-già* nói: Hoặc có thành tựu thức a-lại-da, chẳng phải chuyển thức, nghĩa là vô tâm ngủ say, vô tâm ngất xỉu, nhập vô tưởng định, nhập diệt tận định, sinh vô tưởng thiên. Hoặc có thành tựu chuyển thức, chẳng phải thức a-lại-da, nghĩa là A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát bất thoái, chư Như Lai trụ địa vị hữu tâm. Hoặc có đều thành tựu, nghĩa là hữu tình khác trụ địa vị hữu tâm. Hoặc có đều chẳng thành tựu, nghĩa là A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát bất thoái, chư Như Lai nhập diệt tận định vào vô dư niết-bàn.

Hỏi: Bậc chí Thánh từ bi chỉ dạy, đấng giác vương thị hiện dấu tích, với tướng lưỡi rộng dài phát ra lời vi diệu thành thật, trong

chỗ vô danh tướng ban bố biển giáo vô biên; dùng danh tướng hư giả diễn bày nghĩa tông vô tận. Vả lại, thức thứ tám có tên gọi, đến địa vì nào mới xả bỏ tên hư giả ?

Đáp: *Luận Duy Thức* nói: "Thức thứ tám tuy thành tựu các hữu tình nhưng theo nghĩa riêng lập các tên, nghĩa là hoặc gọi là tâm, vì huân tập chủng tử các pháp; hoặc gọi là a-đà-na, vì nắm giữ chủng tử và các sắc căn không để hư hoại; hoặc gọi là sở tri y, vì hay cùng các pháp nhiễm tịnh đã biết làm y chỉ; hoặc gọi là chủng tử thức, vì hay khắp nắm giữ chủng tử các pháp thế, xuất thế gian. Những tên gọi trên gồm tất cả mọi địa vị; hoặc gọi là thức a-lại-da, vì chứa tất cả pháp tạp nhiễm không để cho mất; hoặc gọi là ngã kiến chấp tàng, vì là tự nội ngã, tên gọi này chỉ ở địa vị hữu học và dị sinh, không phải ở địa vị vô học của Bồ-tát bất thoái, vì có nghĩa chấp tàng pháp tạp nhiễm; hoặc gọi là dị thục, vì hay dẫn dị thục quả nghiệp sinh tử, thiện, bất thiện, tên gọi này chỉ thuộc địa vị Nhị thừa, chư Bồ-tát và dị sinh, chẳng phải thuộc Như Lai, vì còn có pháp dị thục vô ký; hoặc gọi là vô cấu thức, vì là chỗ y chỉ của các pháp vô lậu cực thanh tịnh, tên gọi này chỉ ở địa vị Như Lai, chẳng phải địa vị Nhị thừa, Bồ-tát và dị sinh, vì giữ gìn chủng tử hữu lậu, nhận lãnh sự huân tập, chưa được thức thứ tám thiện tịnh. Như khế kinh có kệ:

Vô cấu thức Như Lai,
Là tịnh vô lậu giới
Giải thoát tất cả chướng
Tương ưng viên cảnh trí

Gọi thức a-lại-da vì lầm lỗi nặng nề, vì xả bỏ đầu tiên. Trong đây chỉ nói về thể của thức dị thục lúc Bồ-tát sắp đắc bồ-đề mới xả bỏ; Thanh văn, Độc giác lúc nhập vô dư y niết-bàn mới xả. Thể của vô cấu thức không có lúc xả, vì luôn lợi lạc hữu tình vô tận, vì tâm thông tất cả nên tùy nghĩa ứng nói.

Giải thích:

Tâm là nghĩa tích tập, nghĩa tập khởi, vì hay tích tập sinh nhiều chủng tử; hoặc hay huân tập chủng tử trong thức này, đã có thể tích tập lại khởi các pháp nên thức này gọi là tâm.

A-đà-na, Trung Hoa dịch là chấp trì, vì nắm giữ các thứ có sắc căn, gồm cả phàm Thánh.

Sở tri y là ba tính cùng thức này nương tựa.

Cổ đức nói: Thức a-lại-da có nghĩa là tàng, vì chân tâm không nắm lấy tự tính, theo huân tập hòa hợp dường như một, dường như thường. Cho nên người ngu cho tợ là chân, chấp làm nội ngã, thuộc về ngã kiến nên gọi là tàng, vừa hay chứa tự thể trong các pháp, vừa chứa các pháp trong tự thể, khi hai thứ ngã kiến này hoàn toàn không khởi liền mất cái tên lại-da.

Lại nói: Tên gọi thức thứ tám, từ Bát địa trở lên không có tên a-lại-da, chỉ có tên dị thục thức, thức thứ bảy chỉ chấp dị thục thức làm pháp. Lại nữa, thức thứ tám vốn không có tên a-lại-da, do thức thứ bảy chấp kiến phần của thức thứ tám làm ngã khiến cho thức thứ tám có tên a-lại-da. Nếu không chấp thì chỉ có tên dị thục thức.

Thức thứ tám có người gọi là tâm, vì các pháp tích tập chủng tử. Tuy nó thọ huân trì chủng, có nghĩa tích tập, tập khởi nên được gọi là tâm, chỉ là tự chứng phần, dụ như cái kho chứa các vật, hay giữ gìn tất cả chủng tử, về sau khiến chủng tử sinh khởi hiện hành, cùng với chủng tử làm thành hai nhân y trì và sinh khởi liền biết thức thứ tám thọ huân trì chủng được gọi là tâm. Trong nhân gìn giữ chủng tử mới cũ nên gọi là tâm; trong quả giữ gìn tất cả chủng tử vô lậu nên gọi là tâm, cũng gọi là trì chủng tâm.

Có người gọi nó là chất-đa, Trung Hoa dịch là hữu vi tâm.

Có người gọi nó là mâu-hô-lật-đa, Trung Hoa dịch là chân thật tâm, chính là chân như, đây là vô vi tâm.

Có người gọi là a-đà-na, Trung Hoa dịch là chấp trì thức, hay nắm giữ chủng tử căn thân sinh nghĩa tương tục, cũng là cái nghĩa giới thú sinh, đây bao gồm tất cả vị.

Chấp trì có ba thứ:

1- Gìn giữ căn thân chẳng để hư hoại.

2- Gìn giữ chủng tử chẳng để tan mất.

3- Nắm lấy kết sinh tương tục, là hữu tình trong đó có thân đến giai đoạn cuối cùng, lúc thức thứ tám một niệm ban đầu thọ sinh có nghĩa nắm lấy kết sinh tương tục. Kết là hệ thuộc, như trong thai mẹ một niệm thọ sinh bèn hệ thuộc vào kia, cũng như nam châm hút sắt. Sắt như tinh cha huyết mẹ, thức thứ tám như nam châm, trong khoảng sát-na bèn bám lấy để tồn tại, đồng thời chủng tử căn trần từ trong tự thức cũng sinh hiện hành.

Năm vị nơi thai là:

Trong tuần thứ nhất gọi là tạp uế, giống như lớp sữa mỏng. Tinh cha huyết mẹ hòa nhau gọi là tạp, tự thể bất tịnh gọi là uế.

Trong tuần thứ hai gọi là bào, giống như hạt đậu Hà Lan, hình tướng trong ngoài của bào thai như sữa đông vì chưa có thịt.

Trong tuần thứ ba gọi là ngưng kết, nghĩa là hơi ngưng kết hình hài như cục huyết tụ.

Trong tuần thứ tư gọi là ngưng hậu, dần dần cứng chắc.

Trong tuần thứ năm gọi là hình vị, gió bên trong thổi sinh ra hình tướng các căn, tứ chi sai biệt. Trong 35 ngày này đã đầy đủ năm căn.

Trong tuần thứ sáu gọi là giai đoạn mọc tóc lông móng răng.

Trong tuần thứ bảy gọi là giai đoạn đầy đủ các căn, do năm căn đầy đủ dần dần sinh thức, tức là chưa đủ duyên hư không, ánh sáng v.v... có người gọi là chủng tử thức.

Hỏi: Thức này với tâm, nghĩa khác nhau thế nào ?

Đáp: Nghĩa của chủng tử và tâm khác biệt, đó là vì nắm lấy hiện hành của thức thứ tám cũng gọi là chủng tử, nhưng vì chủng tử hay sinh hiện hành nên gọi là chủng tử thức. Hiện hành của thức này hay khởi bảy thức trước, tức là có công năng hay sinh chủng tử, nên thức thứ tám gọi là chủng tử thức.

Tâm nói ở trên chỉ là nghĩa tích tập, lập khởi. Thức thứ tám tùy nghĩa riêng lập các tên, hoặc gọi là căn bản thức, lưu chuyển nhân, hoàn diệt nhân, giới thú sinh thể, dẫn quả tổng báo chủ.

A-lại-da, Trung Hoa dịch là ngã ái chấp tàng. Dị thục thức là quả vị của nghiệp thiện ác, do nghiệp quả thiện ác làm nhân liền chiêu cảm được dẫn quả. Nghiệp đời trước làm nhân, do thiện ác này đời nay cảm thức thứ tám là vô ký dị thục, là quả khác nhân nên gọi là dị thục.

Lại đủ bốn nghĩa: thật, thường, khắp, không tạp, đây là chân dị thục thức.

Hỏi: Chân dị thục thức thứ tám như thế nào gọi là dẫn quả ?

Đáp: Vì nghiệp thiện ác là năng dẫn, thức thứ tám là sở dẫn, vì là quả hay dẫn nên gọi là dẫn quả, cũng gọi là tổng báo chủ. Sáu thức trước gọi là mãn quả, vì có một phần biệt báo thiện ác đến làm cho đủ. Những gì do mãn nghiệp chiêu cảm gọi là dị thục sinh, chẳng phải chân dị thục. Vì chẳng đủ bốn nghĩa nên thức thứ tám chỉ là dẫn quả, chân dị thục thức đủ bốn nghĩa nên bao gồm dị sinh cho đến Thập địa đều có tên dị thục thức; đến địa vị Kim cang tâm trong khoảng sát-na vĩnh viễn xả bỏ.

Trong đạo giải thoát nó trở thành vô cấu thức, gọi là a-ma-la, là thức thứ tám trong quả thuần nhất vô lậu, vì chẳng thâu nhiếp chủng tử tất cả nhiễm pháp, vì nó không bị chủng tử và hiện hành tạp nhiễm nương gá, chỉ tương ưng với đại viên cảnh trí nên gọi là vô cấu thức.

Lại biệt danh của tâm có sáu thứ:

1- Tập khởi gọi là tâm, chỉ thuộc thức thứ tám, vì tập họp các chủng tử khởi hiện hành.

2- Tích tập gọi là tâm, thuộc bảy thức trước, vì hay huân tập chủng tử các pháp. Hoặc đầu tiên tập khởi thuộc bảy thức trước, vì hiện hành cùng huân tập khởi chủng tử; sau đó tích tập gọi là tâm thuộc thức thứ tám, vì hàm chứa tích tập chủng tử các pháp. Hai

cách giải thích trên tuy đều có nghĩa năng tập, sở tập, nhưng nay chỉ lấy năng tập gọi là tâm, nên suy xét như lý.

3- Duyên lự gọi là tâm, vì hay duyên lự tự phần cảnh.

4- Hoặc gọi là thức, vì liễu biệt nghĩa.

5- Hoặc gọi là ý, vì luôn luôn không gián đoạn.

6- Hoặc gọi là tâm.

Giải thích rộng:

1- Tập khởi gọi là tâm, vì thức thứ tám tập họp các chủng tử khởi hiện hành. Tập họp các chủng tử là thức thứ tám hay tập họp chủng tử các pháp hữu lậu, vô lậu, sắc tâm trời người trong ba cõi, cũng như kho tàng nơi nhân gian. Khởi hiện hành là tất cả sắc tâm hữu lậu, vô lậu trong ba cõi năm loài hiện hành đều từ thức thứ tám sinh khởi, tức là thức thứ tám là năng tập khởi, chủng tử của tất cả sắc tâm là sở tập khởi. Nay chỉ cho năng tập khởi gọi là tâm. Lấy tự chứng phần của tâm vương thứ tám gọi là tập khởi tâm, tướng phần là sắc, kiến phần là dụng, vì chứng tự chứng phần rơi vào phía sau, vì tự chứng phần hay tập họp chủng tử các pháp không để tan mất, lại còn hay khởi công năng các thứ hiện hành từ vô thỉ đến nay không gián đoạn, nên riêng có nghĩa tập khởi, tức là biết tự chứng phần thức thứ tám và chủng tử trong thức làm hai nhân, chính là hai nghĩa tập khởi trong đây: một là y trì nhân, là nghĩa tập họp, hai là sinh khởi nhân, là nghĩa sinh khởi.

2- Tích tập gọi là tâm, vì thức thứ tám gìn giữ chủng tử ba cõi năm loài, nên thức thứ tám được gọi là hàm tàng, tích tập là tự chứng phần của thức thứ tám. Hay giữ gìn chủng tử cũ gọi là tích, hay tập họp những cái mới huân gọi là tập, tức biết tích tập, tập khởi để giải thích tâm. Thức thứ tám riêng gọi là tâm, vì là nghĩa chính. *Luận Duy Thức* nói: "Hay khắp giữ gìn chủng tử các pháp thế gian, xuất thế gian nên gọi là tàng thức, tức là tự chứng phần là năng nhậm trì, năng tích tập, tất cả chủng tử là sở nhậm trì, sở tích tập".

Bảy thức trước gọi là chuyển thức, chuyển là chuyển đổi, là nghĩa bất định, tức ba tính, ba lượng, ba cảnh thay đổi bất định nên gọi là chuyển thức. Thức thứ tám chỉ là một loại vô ký và chỉ có tính cảnh, chỉ có hiện lượng nên không gọi là chuyển thức.

Lại nữa, tập khởi gọi là tâm cũng thuộc chuyển thức thứ bảy. Tập là tập họp hiện hành bảy thức trước. Khởi là hiện hành của bảy thức trước đều tự có năng lực huân tập sinh khởi chủng tử mới. Như lúc nhãn thức duyên sắc hẳn phải nhờ ý thức đồng thời cộng tập họp huân chủng tử, bốn thức còn lại cũng thế.

Hỏi: Nếu minh liễu ý thức đồng duyên với các thức kia gọi là cộng tập, như lúc độc đầu ý thức duyên mười tám giới, chẳng đồng duyên với thức khác cùng huân khởi chủng tử vì sao có nghĩa cộng tập ?

Đáp: Do thức thứ bảy là sở y, thức thứ sáu mới chuyển sang huân tập chủng tử nên cũng gọi là cộng tập.

3- Duyên lự gọi là tâm, vì hay duyên lự tự phần cảnh, tức là tám thức đều riêng hay duyên lự tự phần cảnh. Duyên là duyên trì, lự là tư lự. Đem duyên lự để giải thích tâm, là tên gọi chung.

Năm thức trước chỉ duyên căn trần là tự phần cảnh, ngoại trừ quả vị Phật các căn hỗ dụng.

Thức thứ sáu duyên mười tám giới, pháp ba đời và tất cả pháp hữu lậu, vô lậu, thế và xuất thế gian, làm tự phần cảnh.

Thức thứ bảy duyên kiến phần thức thứ tám làm tự phần cảnh.

Thức thứ tám duyên ba cảnh làm tự phần cảnh, là thường chợt duyên ba cảnh, vì thức thứ tám luôn biết cảnh thường có, không giống sáu thức trước có gián đoạn, cảnh sở duyên lại chẳng phải thường có, đây là nghĩa chính của thức thứ tám.

Nếu bị ràng buộc nơi cõi Dục, tức là duyên căn thân, khí thế gian nơi cõi Dục làm tự phần cảnh. Nếu chủng tử duyên cả ba cõi làm tự phần cảnh, hai cõi sắc vô sắc cũng như thế, chỉ trừ chủng tử vô lậu không thể duyên, vì chủng tử hữu lậu và vô lậu chẳng thuận nhau. Do đây chỉ hay trì mà chẳng hay duyên, vì nghĩa trì thì rộng,

nghĩa duyên thì hẹp, dụ như người mắt đỏ cầm lửa, như đội vật trên đầu, chỉ giữ lấy mà không thể tựa, chỉ gìn giữ khiến chẳng mất vì chẳng lìa thức.

4- Hoặc gọi là liễu biệt thức, tức là kiến phần của tám thức đều hay liễu biệt cảnh sở duyên của chính nó, đó là nhãn thức hay liễu biệt sắc, cho đến thức thứ tám hay liễu biệt chủng tử căn thân, khí thế gian. Nếu đem liễu biệt để giải thích thức thì tám thức gọi chung là thức; nếu đem liễu biệt cảnh thô để giải thích thức thì sáu chuyển thức gọi là thức.

5- Hoặc gọi là ý, vì luôn không gián đoạn, tức là tám thức niệm trước cùng tám thức niệm sau nương tựa. Nay nắm lấy niệm trước tám thức gọi là ý. Nếu niệm trước chẳng diệt thì niệm sau không do đâu được sinh, bởi niệm trước diệt, niệm sau mới sinh được. Sinh diệt giống nhau tương tục như vậy, tự loại tâm chẳng gián cách gọi là đẳng vô gián.

Theo đại thừa, ý có hai thứ: một là tư lượng ý gồm bảy thức, hai là vô gián ý gồm cả tám thức.

Ý là nghĩa y chỉ, như thức thứ bảy nương tựa thức thứ sáu nên gọi là ý. Nếu đem đẳng vô gián để giải thích ý thì tám thức gọi chung là ý. Nếu lấy tư lương để giải thích ý thì thức thứ bảy riêng gọi là ý.

6- Hoặc gọi là tâm, thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ bảy gọi là ý, thức thứ sáu gọi là thức. Nghĩa thứ sáu này là căn cứ vào tên gọi nổi bật, nghĩa là đem tích tập, tập khởi để giải thích tâm thì thức thứ tám riêng gọi là tâm. Nếu đem tư lương để giải thích ý thì thức thứ bảy riêng gọi là ý. Nếu đem liễu biệt cảnh thô để giải thích thức thì sáu thức trước riêng gọi là thức. Tức là nơi tám thức đều riêng có đủ hai tên chung và riêng, nghĩa là thức thứ tám gọi là tâm có đủ hai nghĩa: một là nghĩa tích tập tập khởi, hai là nghĩa duyên lự. Thức thứ bảy gọi là ý cũng có hai nghĩa: một là nghĩa tư lương, hai là nghĩa đẳng vô gián. Sáu thức trước gọi là thức cũng có hai nghĩa: một là nghĩa liễu biệt, hai là nghĩa liễu biệt cảnh thô. Cảnh thô có đầy đủ bốn nghĩa:

1- Dễ hiểu cho đến trẻ con cũng biết.

2- Cùng cho là có, tức ba thừa đều chấp nhận.

3- Hành tướng thô, vì liễu biệt hành tướng rõ ràng.

4- Sở duyên thô, tức năm trần là cảnh thô.

Lại trong chín thức chia tổng quát làm bốn đoạn, mỗi thức riêng lập mười tên:

I. Mười tên của thức thứ sáu:

1- Đối căn được tên gọi là lục thức.

2- Hay so lường thị phi gọi là ý thức.

3- Hay giao tiếp trần cảnh gọi là phan duyên thức.

4- Hay duyên khắp năm trần gọi là tuần cựu thức.

5- Niệm niệm lưu tán gọi là ba lãng thức.

6- Hay phân biệt tiền cảnh gọi là phân biệt sự thức.

7- Làm tổn hoại người gọi là nhân ngã thức.

8- Ái nghiệp đưa đẩy thụ sinh gọi là tứ trụ thức.

9- Chẳng sinh chính giải gọi là phiền não chướng thức.

10- Cảm báo đã hết, tâm cảnh sai biệt gọi là phần đoạn tử thức.

II. Mười tên của thức thứ bảy:

1- Sau sáu thức được tên gọi là thất thức.

2- Căn trần không gá họp gọi là chuyển thức.

3- Chẳng biết tập khí bỗng nhiên niệm khởi gọi là vọng tưởng thức.

4- Sinh diệt không ngừng gọi là tương tục thức.

5- Chướng lý không biết gọi là vô minh thức.

6- Trái mê theo chính, hay đoạn tứ trụ phiền não gọi là giải thức.

7- Cùng vào lối huyền, thuận lý sinh thiện gọi là hành thức.

8- Hiểu ba cõi sinh tử đều là tâm ta, không còn pháp bên ngoài gọi là vô úy thức.

9- Chiếu liễu rõ ràng như gương hiện bóng gọi là hiện thức.

10- Pháp đã vọng khởi, nương trí làm chỗ quay về khiến chân tính chẳng hiển gọi là trí chướng thức.

III. Mười tên của thức thứ tám:

1- Sau bảy thức được tên gọi là bát thức.

2- Chân ngụy lẫn lộn gọi là hòa hợp thức.

3- Chứa nhóm các pháp gọi là tàng thức.

4- Trụ trì khởi phát gọi là huân biến thức.

5- Phàm trở thành Thánh gọi là xuất sinh thức.

6- Tạng thể không gián đoạn gọi là kim cang trí thức.

7- Thể chẳng phải tĩnh, loạn gọi là tịch diệt thức.

8- Trung thật không giả gọi là thể thức.

9- Tạng thể chẳng mê gọi là bản giác thức.

10- Công đức viên mãn gọi là nhất thiết chủng trí thức.

IV. Mười tên của thức thứ chín:

1- Tự thể chẳng ngụy gọi là chân thức.

2- Thể chẳng hữu vô gọi là vô tướng thức.

3- Phạm vi tác dụng chẳng đổi gọi là pháp tính thức.

4- Chân giác thường còn, thể chẳng ẩn hiển gọi là Phật tính chân thức.

5- Tính bặt hư giả gọi là thực tế thức.

6- Đại dụng vô biên gọi là pháp thân thức.

7- Theo dòng chẳng nhiễm gọi là tự tính thanh tịnh thức.

8- A-ma-la thức, Trung Hoa dịch là vô cấu thức.

9- Thể chẳng một chẳng khác gọi là chân như thức.

10- Thù thắng vi diệu bặt đối đãi gọi là bất khả danh mục thức.

Kinh Giải Tiết ghi: "Phật bảo Bồ-tát Quảng Huệ: Vì sao có người gọi thức này là a-đà-na ? Vì bản thức này hay gìn giữ thân. Vì sao có người gọi nó là a-lại-da ? Vì bản thức này nơi thân đều ẩn chứa thành hoại. Vì sao có người gọi nó là chất-đa ? Vì thức này sinh trưởng các pháp sắc, thinh, hương, vị, xúc. Này Quảng Huệ, bản thức này là thức tụ được sinh, nghĩa là nhãn thức cho đến ý thức, nương nơi thức này nhãn căn duyên sắc trần sinh ra nhãn thức.

Cùng một lúc chung cảnh với nhãn thức có phân biệt ý thức khởi. Nếu một nhãn thức sinh, khi ấy một phân biệt ý thức cùng nhãn thức đồng duyên cảnh sinh. Nhãn thức này hoặc cùng hai thức, hoặc ba, bốn, năm thức cùng khởi, khi ấy một phân biệt ý thức cùng năm thức đồng duyên cảnh sinh. Như dòng nước lớn nếu có một nguyên do làm khởi sóng thì một làn sóng nổi lên; nếu có nhiều nguyên do làm khởi sóng thì nhiều đợt sóng khởi, nước luôn trôi chảy không ngừng. Lại như trong mặt gương tròn sáng nếu có một nguyên do làm hiện ảnh đến thì một ảnh tượng hiện ra; nếu có nhiều nguyên do làm hiện ảnh đến thì nhiều ảnh tượng hiện ra, mặt gương tròn chẳng chuyển đổi thành ảnh tượng, cũng không tổn hoại. Bản thức cũng như dòng nước và mặt gương.

Luận Thành Nghiệp nói: "Tâm có hai thứ:

1- Tập khởi tâm, vì là nơi tập khởi vô lượng chủng tử.

2- Chủng chủng tâm, vì hành tướng sở duyên sai biệt chuyển".

Thiên Thai Tịnh Danh Sớ ghi: "Một pháp khác tên, các kinh nói tên khác nhau; hoặc nói chân tính, hoặc nói thật tướng, hoặc nói nhất thật đế, hoặc nói tự tính thanh tịnh tâm, hoặc nói Như Lai tạng, hoặc nói như như, hoặc nói thật tế, hoặc nói thật tướng bát-nhã, hoặc nói nhất thừa, hoặc nói tức thị Thủ lăng nghiêm, hoặc nói pháp tính, hoặc nói pháp thân, hoặc nói trung đạo, hoặc nói tất cánh không, hoặc nói chính nhân Phật tính tính tịnh niết-bàn.

Những tên gọi khác nhau ấy đều là tên của thật tướng, cho nên *luận Đại Trí* có kệ:

Bát-nhã là một pháp
Phật nói các thứ tên
Tùy theo các chúng sinh
Đặt ra tên sai khác.

Kinh Đại Niết-bàn nói: "Thiên Đế Thích có nhiều thứ tên, giải thoát cũng thế có nhiều tên gọi". Lại nói: "Phật tính có năm thứ tên đều là ứng cơ lợi vật đặt tên khác nhau, nhưng pháp thể chỉ một, chưa từng khác". Như Đế Thích có nghìn tên, tên tuy bất đồng

nhưng cuối cùng chỉ là Thiên chúa, đâu thể nghe tên sai khác mà nói rằng chẳng phải lý thật tướng. Như người cúng dường Đế Thích lại hủy báng Kiều-thi-ca, cúng dường Kiều-thi-ca lại hủy báng Đế Thích. Cúng dường như thế chưa hẳn được phước. Người hoằng pháp đời sau cũng thế, hoặc tin a-lại-da tự tính thanh tịnh tâm nhưng chê bai tất cánh không; hoặc tin tất cánh không vô sở hữu, hủy báng thức lại-da tự tính thanh tịnh tâm; hoặc nói bát-nhã thuyết minh thật tướng, Pháp Hoa thuyết minh nhất thừa đều chẳng phải Phật tính, cầu phước như thế e là họa! Nếu biết tên khác thể đồng thì khéo tùy hỷ khắp pháp giới có gì phải tranh cãi ? Lại trong các kinh vì theo duyên phù hợp căn cơ đặt nhiều tên, tùy chỗ an lập. Như do nghĩa rộng lớn nên gọi là biển, bởi tròn sáng rõ ràng nên gọi là hạt châu, vì là gốc của muôn pháp nên gọi là vua, vì hay sinh tất cả pháp nên gọi là mẹ. Chỉ là chân nghĩa của vô nghĩa nên nhiều mà cũng chẳng nhiều; là chân tâm của vô tâm mà một cũng chẳng một. Vì thế *Hoa Nghiêm Tư Ký* ghi: "Căn cứ nghĩa quyết đoán là dùng trí để nói; căn cứ nghĩa hay sinh trưởng là dùng đất để nói; về sự cao lớn thì nói đến núi; về sự sâu rộng thì nói đến biển; về sự tròn sáng thì nói đến hạt châu. Trên đây là hữu danh mà còn vô số, huống là vô danh làm sao đo lường ?

Kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni ghi: "Phật bảo chư Bồ-tát: Các ông đừng cho rằng trời nhất định là trời, người nhất định là người, ngạ quỉ nhất định là ngạ quỉ, cho đến như một việc có nhiều tên, như một người có nhiều tên, như một vị trời cho đến ngạ quỉ, súc sinh có nhiều tên cũng như thế. Cũng có nhiều ngạ quỉ hoàn toàn không có tên, trong nháy mắt biến nhiều hình thể; như vậy trong một thời gian, chúng sinh hiện vô lượng sắc thân làm sao gọi tên được ? Như loài ngạ quỉ có tên gọi chỗ sinh, tên gọi thọ thực và tên gọi thọ mạng; như chúng sinh địa ngục không có tên gọi nơi sinh thì hình tướng cũng vô định, vì nhân duyên ác nghiệp trong ấy chưa hết nên trong một niệm biến ra các thứ thân.

Giải thích:

Như ở địa ngục, trong một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết; còn trong ngục vô gián mỗi mỗi thân vô gián đầy khắp trong 84 ngàn địa ngục mà không chướng ngại nhau. Như nói pháp thân vi diệu thanh tịnh lặng lẽ ứng hiện khắp nơi, người đời nay cho rằng pháp thân hay phân chia hay trùm khắp mà không tin chúng sinh cũng một thân mà vô lượng thân, vì nghiệp quả chúng sinh bất khả tư nghì, cho nên kinh nói: "Phật giới bất khả tư nghì, chúng sinh giới cũng bất khả tư nghì".

---

[3] **Yết-la-lam**: (S,P Kalala) Hán dịch là phôi thai, là trạng thái của thai nhi trong thời gian bảy ngày đầu sau khi gá thai. Đây là nơi nương gá đầu tiên của thức.